

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 60/2022/DS- ST.

Ngày: 07/3/2022.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thu Hồng**.

Ông Trần Văn Nghiệm.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:** không tham gia.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST-DS ngày 17/02/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thanh X**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

(Bà X có đơn vắng mặt; bà T vắng mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày:**

Bà Nguyễn Thị T có mượn tôi số tiền là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) bà T hứa trong một tuần sẽ trả nhưng đến nay bà T vẫn chưa trả theo như bà T cam kết.

Bà T mượn làm nhiều lần, cụ thể như sau:

Vào ngày 17/01/2021 (âm lịch) bà T mượn 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Ngày 21/5/2021 (âm lịch) bà T mượn 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Ngày 21/5/2021 (âm lịch) bà T mượn 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Ngày 23/5/2021 (âm lịch) bà T mượn 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Các lần mượn này bà T đều có viết biên nhận nợ, có ký tên ghi họ tên. Hiện nay bà T vẫn còn nợ tôi số tiền nay chưa trả.

Bà T và ông Võ Văn T là vợ chồng, sống chung nhà, bà T mượn tiền tôi để chi tiêu trong gia đình, phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Nên nay bà yêu cầu:

-Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T cùng liên đới trả cho bà số tiền nợ là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) trả khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

***Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Bà có vay của bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền vay làm nhiều lần như bà X trình bày là đúng, hiện nay bà còn nợ bà X số tiền là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng). Nay bà X yêu cầu bà và ông T cùng trả số tiền là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) thì bà và ông T xin trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), trả đến khi trả hết số nợ là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T không đến và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T cùng liên đới trả số tiền vay là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X có đơn xin vắng mặt xét xử nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà X, bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T vắng mặt. Bà T và ông T đã được tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng

bà T và ông T vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T cùng liên đới trả số tiền nợ vay là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) là có cơ sở, bởi lẽ:

Bà Nguyễn Thị T thống nhất thừa nhận bà T có vay tiền như bà X trình bày, hiện nay bà T còn nợ lại bà X số tiền là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng). Nay bà X yêu cầu bà T và ông T cùng trả số tiền là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) thì bà đồng ý cùng ông T xin trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) trả đến khi trả hết số nợ là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng).

Bà X cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà X là biên nhận nợ có chữ ký tên của bà T. Bà T cũng thống nhất nợ bà X số tiền là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng).

[4] Đối với yêu cầu của bà X yêu cầu bà T và ông T liên đới cùng trả số tiền nợ 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng), Hội đồng xét xử thấy rằng, bà T và ông T là vợ chồng cùng sống chung nhà, việc bà T sử dụng tiền vay này là dùng vào việc phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trong gia đình, nhằm đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên việc bà X yêu cầu bà T và ông T cùng liên đới trả số tiền nợ là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của bà X không yêu cầu bà T và ông T trả số tiền lãi.

[6] Về thời gian trả tiền: Bà T xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi trả hết số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng), không được bà X đồng ý, phía bà T và ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà X, do đó Hội đồng xét xử buộc bà T và ông T cùng liên đới trả cho bà X số tiền là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh X được chấp nhận nên bà T, ông T phải chịu án phí theo quy định nhưng bà T và ông T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh X.

- Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh X có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T không trả số tiền trên thì hàng tháng bà T và ông T phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

+ Do bà Nguyễn Thị Thanh X là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại.

*Về quyền kháng cáo: Báo nguyên đơn bà X vắng mặt và bị đơn bà T vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bà X, bà T, ông T nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh

